TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **74/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2022
V/v "Ly hôn
và tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Thái Hoàng Thi**

2. Ông **Nguyễn Minh Tân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Huỳnh Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 224/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Diễm C,** sinh năm 1994; Trú tại: Số A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1987; Trú tại: Số A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Phạm Thị Diễm C trình bày:

Bà C và ông T đám cưới trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Long, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre vào năm 2017. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó từ năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, tính cách, thường hay cãi nhau. Hiện tại đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Do không còn tình cảm nên nay bà C yêu cầu

ly hôn với ông Trần Thanh T. Bà C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Con chung: Chúng Bà C có 01 con chung là Trần Phạm Hiếu N, sinh ngày 10/8/2018, hiện đang sống với mẹ. Bà C yêu cầu nuôi cháu N; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết .

Ông Trần Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà C và ông T đã đến mức trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C. Về con chung: bà C được nuôi 01 con chung là cháu Trần Phạm Hiếu N, sinh ngày 10/8/2018, ông T không phải cấp dưỡng nuôi chung do bà C tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung; nợ chung: Không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng đến lần thứ hai, nguyên đơn bà Phạm Thị Diễm C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông T là phù hợp với Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Trần Thanh T có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Long, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre vào năm 2017 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời

gian đầu, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Hai vợ chồng đã không sống chung từ năm 2021 cho đến nay. Tại biên bản làm việc ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành với cậu ruột của bà C thể hiện: mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc ông T nhiều chơi cờ bạc dẫn đến vợ chồng cãi nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 03 năm nay. Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt, cho thấy ông T đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này. Bà C đã nộp đơn yêu cầu ly hôn một lần vào đầu năm 2022 nhưng đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng hiện tại bà C tiếp tục có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Điều đó đã chứng tỏ việc hàn gắn tình cảm cho bà C và ông T không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà C và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông T là phù hợp quy định pháp luật. Bà C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Bà C và ông T có 01 con chung là cháu Trần Phạm Hiếu N, sinh ngày 10/8/2018, hiện đang sống với bà C. Xét việc giao con chung cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Bà C có công việc và thu nhập ổn định, cháu N sống chung với bà C từ nhỏ, vẫn được bà C chăm sóc, phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo việc phát triển đầy đủ mọi mặt, đảm bảo ổn định về mặt tâm lý và tinh thần cho cháu N nên giao cháu N cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của bà C nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C khai không có nên không xét đến.

[6] Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà C phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Diễm C đối với ông Trần Thanh T. Bà Phạm Thị Diễm C được ly hôn với ông Trần Thanh T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Diễm C và ông Trần Thanh T chấm dứt kể từ khi bản án có

hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Phạm Thị Diễm C không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Diễm C được tiếp tục nuôi 01 con chung là cháu Trần Phạm Hiếu N, sinh ngày 10/8/2018. Ông Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Phạm Thị Diễm C tự nguyện không yêu cầu.

Ông Trần Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên cha mẹ, cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Bà C khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Diễm C phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006428 ngày 22/42022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Phạm Thị Diễm C đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND xã Phú Long;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền